ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚ NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 168 /KH-UBND	*Phú Ninh, ngày 05 tháng 5 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Về việc thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2026

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về việc thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về Quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Hướng dẫn số 03/HD-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc lập, phê duyệt, thông báo kế hoạch thu, nộp Quỹ và xét miễn, giảm, tạm hoãn đóp góp Qũy phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Công văn số13/QPCTT-NVGV ngày 10/02/2026 của Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phốĐà Nẵng vềviệc triển khai xây dựng kếhoạch thu, nộp và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai ởcấp xã năm 2026.

Căn cứ Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 30/3/2026 của UBND xã Phú Ninh về việc tổ chức tập huấn công tác thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2026; Công văn số 602/UBND-KT ngày 09/3/2026 của UBND xã Phú Ninh về việc triển khai lập danh sách thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2026.

I. ĐỐI TƯỢNG THU, NỘP QUỸ

1. Đối tượng thu, nộp Quỹ

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ở huyện, quận, thị xã, thành phố

thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (cấp huyện), ở xã, phường, thị trấn (cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

b) Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã được quy định tại điểm a, b khoản này, đóng góp 10.000 đồng/người/năm.

c) Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

2. Đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ

a) Đối tượng được miễn đóng góp quỹ

- Đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020.

- Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

- Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí.

- Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung, dài hạn tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề.

- Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên, người mắc bệnh hiểm nghèo hoặc mắc bệnh tâm thần có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên.

- Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên.

- Phụ nữ đang mang thai; phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

- Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên hộ gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan; thành viên hộ gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn.

- Hợp tác xã không có nguồn thu.

- Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị khi phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn (0,02%) tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 05 ngày liên tục trở lên có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp:

- Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ cấp tỉnh. Mức giảm đóng góp quỹ tương ứng mức giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do cơ quan Thuế công bố hàng năm.

c. Thẩm quyền xét miễn đóp góp

- UBND xã tổng hợp danh danh sách các đối tượng quy định tại điểm i, k khoản 1 và khoản 2 điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP trình Chủ tịch UBND thành phố Quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ. Thời gian tạm hoãn đóp góp quỹ cấp tỉnh từ 06 tháng đến 01 năm. (Đề nghị gửi về UBND xã trước ngày 05/3/2026 để tổng hợp đề nghị Chủ tịch UBND thành phố Quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ).

- Chủ tịch UBND xã quyết định miễn đóng góp đối với khoản 2, điều 14 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.

II. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THU QUỸ

1. Thu Quỹ của cán bộ, công chức, viên chức, lao động các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và Hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động cấp xã quản lý năm 2026 là: **16.748.000** đồng *(Có Phụ lục II kèm theo)*.

2. Thu Quỹ của đối tượng lao động khác thuộc phạm vi cấp xã quản lý năm 2026 là: **35.410.000** *(Có Phụ lục III kèm theo)*.

Tổng kinh phí thu quỹ phòng, chống thiên tai năm 2026 là: **52.158.000** đồng *(Có Phụ lục I kèm theo)*.

III. TỔNG HỢP DANH SÁCH MIỄN, GIẢM, TẠM HOÃN ĐÓNG GÓP QUỸ CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ

1. Tổng số đối tượng được xét miễn đóng góp: 1.433 khẩu (Kinh phí 14.330.000 đồng) đối với khoản 2, điều 14 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.

IV. THỜI GIAN VÀ TRÁCH NHIỆM THU, NỘP, CHI VÀ CÔNG KHAI QUỸ

1. Trách nhiệm quản lý thu, nộp Quỹ

a) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và Hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở cấp xã có trách nhiệm lập danh sách người nộp quỹ, tổ chức thu, chuyển nộp vào tài khoản thu Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp xã theo số tài khoản: 3761.0.1148346.91099, tại kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng giao dịch số 5. hoặc Đơn vị: Phòng Kinh tế xã Phú Ninh, trước ngày 01/6/2026.

b) Thôn trưởng có trách nhiệm lập danh sách người nộp quỹ, tổ chức thu, chuyển nộp vào tài khoản thu Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp xã theo số tài khoản: số tài khoản: 3761.0.1148346.91099, tại kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng giao dịch số 5. Đơn vị: Phòng Kinh tế xã Phú Ninh hoặc về UBND cấp xã trước ngày 01/6/2026.

2. Công khai thu, nộp Quỹ

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện nghiêm túc công tác công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 20, Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

b) Phòng Kinh tế xã tham mưu UBND cấp xã thực hiện công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 20, Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Phòng Kinh tế xã

- Chủ trì tham mưu UBND cấp xã thông báo gửi đôn đốc thu, nộp Quỹ đúng quy định. Đề xuất UBND cấp xã xử lý vi phạm hành chính các tổ chức, cá nhân không đóng Quỹ theo quy định tại Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ.

2. Giao Thường trực HĐTĐ khen thưởng cấp xã

- Tham mưu UBND xã xét thi đua khen thưởng năm 2026.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các Trưởng thôn

- Có trách nhiệm đôn đốc thu, nộp Quỹ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch và thời hạn quy định trên.

4. Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn xã, các Hợp tác xã

- Tổ chức thu, chuyển nộp vào tài khoản thu về Quỹ phòng, chống thiên tại thành phố Đà Nẵng.

5. Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công

- Tăng cường công tác tuyên truyền, đưa tin về Kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng,

chống thiên tai năm 2026 trên địa bàn xã.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ VN và các tổ chức chính trị - xã hội xã:

- Tổ chức tuyên truyền để các đoàn viên, hội viên hưởng ứng và tích cực tham gia Qũy phòng, chống thiên tai.

Trên đây là Kế hoạch thu, nộp Quỹ và miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn xã Phú Ninh năm 2026./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp – Môi trường TP (B/c);
- Quỹ PCTT thành phố (B/c);
- TT Đảng ủy (B/c),
- TT HĐND xã (B/c);
- TT UBMTTQVN xã (B/c);
- Các Tổ chức Chính trị - Xã hội xã;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc xã;
- Các Trường học;
- Các Trưởng thôn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Tình

daoht10 - 15/10/2026 14:23:31 - daoht10

Phụ lục I

KẾ HOẠCH THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026
CỦA UBND XÃ PHÚ NINH

(Kèm theo Báo cáo số : /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Phú Ninh)

TT	Đối tượng thu	Kế hoạch thu (đồng)
1	Thu từ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức	16.748.000
3	Thu từ đối tượng khác phải nộp	35.410.000
	Tổng cộng	**52.158.000**

daoht10 - 15/10/2026 14:23:31 - daoht10 - daoht10 - daoht10

Phụ lục II

BIỂU 1: BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ NINH NĂM 2026

ĐVT: đồng

TT	Tên cơ quan/tổ chức/ đơn vị/xã	Địa chỉ	Số lượng CCVCNLĐ	Mức thu 01 người (1/2 ngày x lương cơ sở / số ngày làm việc trong tháng)	Số phải nộp
1	**2**	**3**	**4**	**5 = ½ x 2.340.000 /22**	**6 = 4 x 5**
1	Trường MG Bình Minh	Thôn Đại An - Phú Ninh	18	53.000	954.000
2	Trường MG Hoa Mai	Thôn An Lâu - Phú Ninh	12	53.000	636.000
3	TrườngTHCS Chu Văn An	Thôn An Lâu - Phú Ninh	28	53.000	1.484.000
4	Trường MG Ánh Hồng	Thôn Cây Sanh - Phú Ninh	23	53.000	1.219.000
5	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thôn Cây Sanh - Phú Ninh	47	53.000	2.491.000
6	Trường Tiểu học Thái Phiên	Thôn Đại An - Phú Ninh	20	53.000	1.060.000
7	Trường tiểu học Lê Hoàn	Thôn Cây Sanh - Phú Ninh	50	53.000	2.650.000
8	Trường TH Trần Quốc Toản	Thôn An Lâu - Phú Ninh	29	53.000	1.537.000
9	Phòng Kinh tế xã	Thôn Cây Sanh - Phú Ninh	11	53.000	583.000
10	Trung tâm CU DVSN công	Thôn Cây Sanh - Phú Ninh	11	53.000	583.000
11	VP Đảng ủy xã Phú Ninh	Thôn Cây Sanh - Phú Ninh	20	53.000	1.060.000
12	Uỷ ban mặt trận TQVN xã	Thôn Cây Sanh - Phú Ninh	13	53.000	689.000
13	Văn phòng HĐND và UBND xã	Thôn Cây Sanh - Phú Ninh	19	53.000	1.007.000
14	Phòng Văn hoá – Xã hội xã	Thôn Cây Sanh - Phú Ninh	12	53.000	636.000
15	Trung tâm Hành chính công	Thôn Cây Sanh - Phú Ninh	3	53.000	159.000
	Tổng cộng		**316**		**16.748.000**

Phụ lục III

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG KHÁC PHẢI NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ NINH NĂM 2026

ĐVT: đồng

TT	Tên cơ quan/tổ chức/ đơn vị/xã	Kế hoạch thu		Số miễn giảm		Số phải nộp	
		Số lượng Người	Số tiền (đồng)	Số lượng người	Số tiền (đồng)	Số lượng người	Số tiền (đồng)
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7 = 3 - 5**	**8 = 4 -6**
1	Thôn Trung Đàn	300	3.000.000	120	1.200.000	180	1.800.000
2	Thôn Đại An	350	3.500.000	150	1.500.000	200	2.000.000
3	Thôn Long Khánh	353	3.530.000	121	1.210.000	232	2.320.000
4	Thôn Khánh Tân	270	2.700.000	90	900.000	180	1.800.000
5	Thôn Cây Sanh	555	5.550.000	110	1.100.000	445	4.450.000
6	Thôn Kỳ Tân	250	2.500.000	120	1.200.000	130	1.300.000
7	Thôn Đàn Trung	524	5.240.000	38	380.000	486	4.860.000
8	Thôn Dương Đàn	370	3.700.000	180	1.800.000	190	1.900.000
9	Thôn Ngọc Tú	330	3.300.000	180	1.800.000	150	1.500.000
10	Thôn Phước Bắc	123	1.230.000	60	600.000	63	630.000
11	Thôn An Mỹ	268	2.680.000	18	180.000	250	2.500.000
12	Thôn An Lâu	497	4.970.000	30	300.000	467	4.670.000
13	Thôn Bồng Miêu	260	2.600.000	110	1.100.000	150	1.500.000
14	Thôn Trung Sơn	274	2.740.000	6	60.000	268	2.680.000
15	Thôn Đàn Thượng	250	2.500.000	100	1.000.000	150	1.500.000
	Tổng cộng	**4.977**	**49.740.000**	**1.433**	**14.330.000**	**3.541**	**35.410.000**

daoht10 - 15/10/2025 14:13:21 - daoht10 - daoht10 - daoht10